

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Phạm Văn Hợp;
  2. Ông Võ Thành Dương;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 360/2020/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng Ng, sinh năm: 1982; (xin vắng mặt)  
Địa chỉ: Khu phố CH, thị trấn VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang;
2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm: 1982; (vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp MN, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng Ng trình bày:

Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 272 ngày 11 tháng 10 năm 2004. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên cờ bạc về nhà có hành vi bạo lực gia đình đối với chị, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu

thuần ngày càng trầm trọng nên hiện tại đã ly thân nhau. Do hiện tại tình cảm không còn chị Ng yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 18/6/2003 và Phan Nguyễn Xuân M, sinh ngày 12/01/2006. Khi ly hôn chị Ng yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của chị Ng về thời gian và điều kiện kết hôn. Về thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, đến tháng 9/2020 thì mâu thuẫn mới phát sinh lớn hơn nên anh có đánh vợ, hiện tại anh còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 18/6/2003 và Phan Nguyễn Xuân M, sinh ngày 12/01/2006. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn đồng ý để chị Ng nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ng có đơn khởi kiện đối với anh T. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã BĐ, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ng xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ng chung sống với anh T từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 272 ngày 11 tháng 10 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân của Anh và

Chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên cò bạc bên ngoài về nhà có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Ng, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa tuy anh T vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải anh thừa nhận có đánh chị Ng, vợ chồng hiện tại đã ly thân không còn sống chung, nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm, trong khi chị Ng vẫn cương quyết xin ly hôn với anh. Tại phiên tòa anh T cũng vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Ng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà chị Ng và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ng là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 18/6/2003 và Phan Nguyễn Xuân M, sinh ngày 12/01/2006, hiện đang sống chung với chị Ng. Khi ly hôn chị Ng yêu cầu nuôi con chung, anh T cũng đồng ý để chị Ng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị Ng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương), trong thời gian ly thân cháu M và cháu Th sống chung với chị Ng nên đã quen với môi trường sinh sống. Do đó giao cháu M và cháu Th cho chị Ng được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng Ng. Chị Nguyễn Thị Hằng Ng được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hằng Ng được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 18/6/2003 và Phan Nguyễn Xuân M, sinh ngày 12/01/2006.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không có yêu cầu.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019167 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G C, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Ng đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND TTVL, huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**Nguyễn Văn Thừa**